

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CAM HOÀNG



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (ĐẾN NGÀY 31/5/2023/2023) - 168 TTHC.



STT	MÃ TTHC	DVC	TÊN TTHC	LĨNH VỰC	Quyết định công bố của UBND t
(1)	Quản lý công sản: 03				QĐ 3070/QĐ-UBND ngày 24/8/2018 QĐ chuẩn hóa số 3114/QĐ-UE 26/10/2021; QĐ nội bộ số 3372/QĐ-UB 18/11/2021;
1.	1.005422.000.00.00.H23	Mức độ 2	Quyết định điều chuyển tài sản công	Quản lý công sản	//
2.	1.005426.000.00.00.H23	Mức độ 2	Quyết định thanh lý tài sản công	Quản lý công sản	//
3.	1.005427.000.00.00.H23	Mức độ 2	Quyết định tiêu hủy tài sản công	Quản lý công sản	//
(2)	Bảo trợ xã hội: 15				
4.	2.000355.000.00.00.H23	Mức độ 4	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội	- QĐ công bố số 1414/QĐ-UBND ngày 10/5/2018; - QĐ chuẩn hóa 3102/QĐ-UBND ngày 25/10/2021
5.	2.000751.000.00.00.H23	Mức độ 3	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Bảo trợ xã hội	- QĐ 2182/QĐ-UBND ngày 10/8/202 - QĐ 3102/QĐ-UBND ngày 25/10/20
6.	1.001653.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	- QĐ số 2600/QĐ-UBND ngày 26/7/2 - QĐ 3102/QĐ-UBND ngày 25/10/20

			tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng		
10.	1.001758.000.00.00.H23	Mức độ 4	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Bảo trợ xã hội	- QĐ số 1676 /QĐ-UBND ngày 16/6/ - QĐ số 2182 /QĐ-UBND ngày 10/
11.	1.001753.000.00.00.H23	Mức độ 4	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Bảo trợ xã hội	- QĐ số 1676 /QĐ-UBND ngày 16/6/ - QĐ số 2182 /QĐ-UBND ngày 10/8/
12.	1.001731.000.00.00.H23	Mức độ 4	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội	//
13.	1.001310.000.00.00.H23	Mức độ 3	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	Bảo trợ xã hội	Quyết định số 3102 /QĐ-UBND ngày 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh
14.	2.000286.000.00.00.H23	Mức độ 4	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Bảo trợ xã hội	QĐ số 2182 /QĐ-UBND ngày 10/ 8/
15.	1.001739.000.00.00.H23	Mức độ 4	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	Bảo trợ xã hội	//
16.	2.000744.000.00.00.H23	Mức độ 4	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	Bảo trợ xã hội	//
					//

19.	1.010833.000.00.00.H23	Mức độ 2	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công	QĐ 1676/QĐ-UBND ngày 15/6/2022
20.	1.010832.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thăm viếng mộ liệt sĩ	Người có công	//
21.	1.010801.000.00.00.H23	Mức độ 2	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	Người có công	//
22.	1.010803.000.00.00.H23	Mức độ 2	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	//
23.	1.010804.000.00.00.H23	Mức độ 2	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Người có công	//
24.	1.010805.000.00.00.H23	Mức độ 2	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Người có công	//
25.	1.010810.000.00.00.H23	Mức độ 2	Thủ tục công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	Người có công	//
26.	1.010812.000.00.00.H23	Mức độ 2	Thủ tục tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Người có công	//
			Thủ tục cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	Người có công	//

30.	1.010817.000.00.00.H23	Mức độ 2	Thủ tục công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	//
31.	1.010818.000.00.00.H23	Mức độ 2	Thủ tục công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Người có công	//
32.	1.010819.000.00.00.H23	Mức độ 2	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Người có công	//
33.	1.010820.000.00.00.H23	Mức độ 2	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	Người có công	//
34.	1.010821.000.00.00.H23	Mức độ 2	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội, công an quản lý)	Người có công	//
35.	1.010824.000.00.00.H23	Mức độ 2	Thủ tục hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Người có công	//
36.	1.010825.000.00.00.H23	Mức độ 2	Thủ tục bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	Người có công	//
37.	2.002307.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Người có công	Quyết định số 3102 /QĐ-UBND ngày 10 năm 2021 của Chủ tịch UBND

			Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		
41.	1.010829.000.00.00.H23	Mức độ 2	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang được an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (đối với trường hợp chưa được hỗ trợ)	Người có công	<i>QĐ 1676/QĐ-UBND ngày 15/6.</i>
42.	1.010830.000.00.00.H23	Mức độ 2	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	<i>QĐ 1676/QĐ-UBND ngày 15/6.</i>
43.	1.010802.000.00.00.H23	Mức độ 2	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	Người có công	<i>QĐ 1676/QĐ-UBND ngày 15/6.</i>
44.	1.003042.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Người có công	<i>QĐ 1676/QĐ-UBND ngày 15/6.</i>
45.	2.001157.000.00.00.H23	Mức độ 4	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công	- <i>QĐ 656/QĐ-UBND ngày 11/3</i>
		Mức độ	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã	Người có	- <i>QĐ 656/QĐ-UBND ngày 11/3</i>

(5)	Lĩnh vực Chứng thực: 11				QĐ 3160/QĐ-UBND ngày 29/10 Quyết định số 3207/QĐ-UBND 03/11/2021 – (QT nội bộ)
48.	2.000908.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực	...
49.	2.000815.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực	...
50.	2.000884.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực	
51.	2.001035.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	Chứng thực	...
52.	2.001019.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục chứng thực di chúc	Chứng thực	
53.	2.001016.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực	...
54.	2.001406.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	...
55.	2.001009.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	...
56.	2.000913.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Chứng thực	...

59.	2.000930.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	Hòa giải	...
60.	2.002080.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Hòa giải	...
61.	2.000333.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Hòa giải	...
62.	2.000373.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục công nhận hòa giải viên	Hòa giải	...
(7)	Lĩnh vực Hộ tịch: 17				QĐ 696/QĐ-UBND ngày 18/4/ Quyết định số 3402/QĐ-UBND 16/12/2022 của UBND tỉnh Hải Dương bộ
63.	1.001193.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch	//
64.	1.000894.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục đăng ký kết hôn	Hộ tịch	//
65.	1.001022.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	//
66.	1.000689.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	//
67.	1.000656.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch	//
68.	1.003583.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch	//
69.	1.000593.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch	//
70.	1.000419.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch	//
					//

75.	1.004884.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	//
76.	1.004772.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	//
77.	1.004746.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	//
78.	1.005461.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký lại khai tử	Hộ tịch	//
79.	2.000635.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	Hộ tịch	QĐ số 3160/QĐ-UBND ngày 29/ Quyết định số 3402/QĐ-UBND 16/12/2022 của UBND tỉnh Hải
(8)	Thủ tục hành chính thực hiện tại cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử: 01			Hộ tịch	
80.	2.002516.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	Quyết định số 3402/QĐ-UBND 16/12/2022 của UBND tỉnh Hải
(9)	Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm (05)				
81.		Mức độ 2	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Quyết định số 3737/QĐ-UBND 31/12/2022 của UBND tỉnh Hải
82.		Mức độ 2	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Quyết định số 3737/QĐ-UBND 31/12/2022 của UBND tỉnh Hải

			đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất		
(10)	Lĩnh vực Nuôi con nuôi: 02				QĐ 3160/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 Quyết định số 3207/QĐ-UBND 03/11/2021-QTNB
86.	2.001263.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	//
87.	2.001255.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	//
(11)	Lĩnh vực Khiếu nại & tố cáo: 02				
88.	2.002409.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Khiếu nại & tố cáo	QĐ 2808/QĐ-UBND ngày 24/9/2021
89.	2.002396.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp xã	Khiếu nại & tố cáo	QĐ 4154/QĐ-UBND ngày 27/11/2021
(12)	Phổ biến giáo dục pháp luật: 02				- QĐ chuẩn hóa 3160/QĐ-UI 29/10/2021 - Quyết định số 3207/QĐ-UB 03/11/2021-QTNB - Quyết định số 3619/QĐ-UI 02/10/2018.
90.	2.001457.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục công nhận Tuyên truyền viên pháp luật	Phổ biến giáo dục pháp luật	//
91.	2.001449.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục cho thôi làm Tuyên truyền viên pháp luật	Phổ biến giáo dục pháp luật	//
(13)	Tiếp công dân tại cấp xã:01				

	đào tạo: 05				
94.	1.004492.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	Giáo dục và đào tạo	
95.	1.004485.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	Giáo dục và đào tạo	
96.	2.001810.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập).	Giáo dục và đào tạo	
97.	1.004443.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục và đào tạo	
98.	1.004441.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	Giáo dục và đào tạo	
(16)	Dân số sức khỏe sinh sản: 01				
99.	1.002192.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ	Dân số sức khỏe sinh sản	Quyết định số 2811 /QĐ-UBND ngày 24/9/2021
100.	2.001088.000.00.00.H23	Mức độ 2	Thủ tục xét hưởng chính sách hỗ trợ đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	Dân số sức khỏe sinh sản	- QĐ 2811/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 - QĐ 3103 nội bộ-UBND ngày 25/10/UBND tỉnh Hải Dương;
(17)	Trồng trọt: 01				
					- QĐ Số: 975/QĐ-UBND ngày 17/4/21 - QĐ chuẩn hóa Số: 3273/QĐ-UBND ngày 11/11/2021;

			công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã		- QĐ chuẩn hóa Số: 3273/QĐ-UBND 11/11/2021
104.	2.001621.000.00.00.H23	Mức độ 3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thủy lợi	- QĐ Số: 3071/QĐ-UBND ngày 24/8 - QĐ chuẩn hóa Số: 3273/QĐ-U 11/11/2021
(19)	Khoa học và Công nghệ và Môi trường: 01				
105.	1.004082.000.00.00.H23	Mức độ 4	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Khoa học công nghệ và môi trường	- QĐ số 3072/QĐ-UBND ngày 24/8/2 - QĐ số 3139/QĐ-UBND ngày 19/10, - QĐ chuẩn hóa số: 3273/QĐ-U 11/11/2021; - QĐ chuẩn hóa số 3208/QĐ-U 03/11/2021
(20)	Lĩnh vực Đường thủy nội địa: 13				- Quyết định nội bộ số 3483/QĐ-UB 25/11/2021
106.	1.005040.000.00.00.H23	Mức độ 3	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Lĩnh vực Đường thủy nội địa	QĐ số 3230/QĐ-UBND ngày 05/11/2
107.	1.004088.000.00.00.H23	Mức độ 3	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Lĩnh vực Đường thủy nội địa	//
			Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Lĩnh vực Đường thủy	// QĐ số 2388/QĐ-UBND ngày Kiểm tra lại

111.	1.003970.000.00.00.H23	Mức độ 3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Lĩnh vực Đường thủy nội địa	//
112.	1.003930.000.00.00.H23	Mức độ 3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Lĩnh vực Đường thủy nội địa	//
113.	2.001659.000.00.00.H23	Mức độ 3	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Lĩnh vực Đường thủy nội địa	//
114.	1.004047.000.00.00.H23	Mức độ 3	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Lĩnh vực Đường thủy nội địa	//
115.	2.001214.000.00.00.H23	Mức độ 3	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.	Lĩnh vực Đường thủy nội địa	QĐ chuẩn hoá số 3230/QĐ-UBND 05/11/2021
116.	2.001215.000.00.00.H23	Mức độ 3	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu.	Lĩnh vực Đường thủy nội địa	QĐ số 3230/QĐ-UBND ngày 05/
117.	2.001212.000.00.00.H23	Mức độ 3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.	Lĩnh vực Đường thủy nội địa	QĐ số 3230/QĐ-UBND ngày 05/
118.	2.001211.000.00.00.H23	Mức độ 3	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước.	Lĩnh vực Đường thủy nội địa	QĐ số 3230/QĐ-UBND ngày 05/

121.	2.001798.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục Tiếp nhận yêu cầu giải trình	Phòng, Chống tham nhũng	//
122.	2.001797.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục Thực hiện việc giải trình	Phòng, Chống tham nhũng	//
(22)	Quản lý nhà nước về tôn giáo: 10				QĐ Số: 4369/QĐ-UBND ngày 27, QĐ chuẩn hóa Số: 2806/QĐ-UBND 24/9/2021; QĐ nội bộ số 3240/QĐ-UBND ngày
123.	2.000509.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Quản lý nhà nước về tôn giáo	//
124.	1.001028.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	Quản lý nhà nước về tôn giáo	//
125.	1.001055.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung.	Quản lý nhà nước về tôn giáo	//
126.	1.001078.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	Quản lý nhà nước về tôn giáo	//
127.	1.001085.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	Quản lý nhà nước về tôn giáo	//
128.	1.001090.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Quản lý nhà nước về tôn giáo	//
				Quản lý nhà	//

132.	1.001167.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Quản lý nhà nước về tôn giáo	//
(23)	Thi đua khen thưởng: 05				QĐ Số: 4369/QĐ-UBND ngày 27/ QĐ chuẩn hóa Số: 2806/QĐ-UBND 24/9/2021; QĐ nội bộ số 3240/QĐ-UBND ngày
133.	1.000775.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	Thi đua khen thưởng	//
134.	2.000346.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	Thi đua khen thưởng	//
135.	2.000337.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	Thi đua khen thưởng	//
136.	1.000748.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	Thi đua khen thưởng	//
137.	2.000305.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	Thi đua khen thưởng	//
(24)	Thư viện: 03				
138.	1.008901.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng	Thư viện	Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 1 của UBND tỉnh Hải Dương
139.	1.008902.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng	Thư viện	Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 1 của UBND tỉnh Hải Dương
140.	1.008903.000.00.00.H23	Mức độ 3	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	Thư viện	Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 1 của UBND tỉnh Hải Dương

					của UBND tỉnh Hải Dương
143.	1.000954.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	Văn hóa cơ sở	Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 1 của UBND tỉnh Hải Dương
144.	1.001120.000.00.00.H23	Mức độ 4	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa	Văn hóa cơ sở	Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 1 của UBND tỉnh Hải Dương
(27)	Giáo dục và Đào tạo				
145.			Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số ít người.	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 06/ UBND tỉnh Hải Dương về việ
146.			Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số ít người.	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 06/ UBND tỉnh Hải Dương về việ
(28)	Đất đai: 13				
147.	1.003554.000.00.00.H23	Mức độ 4	Hòa giải tranh chấp đất đai	Đất đai	- QĐ 3072/QĐ-UBND ngày 24/8/201 - QĐ chuẩn hóa Số:3208/QĐ-UI 03/11/2021 - QĐ nội bộ số 117/QĐ-UBND ngày
148.	1.005398.000.00.00.H23	Mức độ 4	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai	Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày của UBND tỉnh Hải Dương
(29)	Lĩnh vực Môi trường:01				

151.			Thủ tục Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Đấu thầu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Quyết định số 3731/QĐ-UBND 04/12/2017 của UBND tỉnh Hải
	TTHC LIÊN THÔNG: 17				
152.	2.000986.000.00.00.H23	Mức độ 2	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Lĩnh vực Hộ tịch	- QĐ số 3160/QĐ-UBND ngày 29/10, - QĐ 3207/QĐ-UBND ngày 03/11/20
153.	2.001023.000.00.00.H23	Mức độ 2	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Lĩnh vực Hộ tịch	- QĐ số 3160/QĐ-UBND ngày 29/10, - QĐ 3207/QĐ-UBND ngày 03/11/20
154.	HTX030	Mức độ 2	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú	Lĩnh vực Hộ tịch	- QĐ số 51/2019/QĐ-UBND ngày 06, - QĐ 3207/QĐ-UBND ngày 03/11/20
155.	1.008977.000.00.00.H23	Mức độ 2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	Lĩnh vực Hộ tịch	//
156.	HTX025	Mức độ 2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)	Lĩnh vực Hộ tịch	//
157.	1.008978.000.00.00.H23	Mức độ 2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng có công với cách mạng từ trần	Lĩnh vực Hộ tịch	//

160.	1.008985.000.00.00.H23	Mức độ 2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	Lĩnh vực Hộ tịch	//
161.	1.008980.000.00.00.H23	Mức độ 2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007	Lĩnh vực Hộ tịch	//
162.	1.008986.000.00.00.H23	Mức độ 2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007	Lĩnh vực Hộ tịch	//
163.	HTX019	Mức độ 2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh	Lĩnh vực Hộ tịch	//
		Mức độ 2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh	Lĩnh vực Hộ tịch	//

166.	1.008988.000.00.00.H23	Mức độ 2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	Lĩnh vực Hộ tịch	//
167.	HTX017	Mức độ 2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Lĩnh vực Hộ tịch	//
168.	HTX018	Mức độ 2	Liên thông thủ tục Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Lĩnh vực Hộ tịch	//

Chi tiết TTHC: <https://dichvucong.haiduong.gov.vn> / <https://dichvucong.gov.vn>

- Mức độ 2: 46 TTHC (trong đó có 17 TTHC liên thông);
- Mức độ 3: 84 TTHC;
- Mức độ 4: 36 TTHC.
- Lĩnh vực Đấu thầu: chưa có trên Cổng DVC